

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2021/HS-ST
Ngày 02-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Tân** và bà **Hà Thị Thúy**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T), sinh năm 1984 tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21 P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị H; bị cáo chưa có vợ con; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 229 ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2019*); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2000 bị công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; ngày 15/9/2016 bị Công an phường Q, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (*nộp phạt ngày 15/9/2016*); tại bản án hình sự phúc thẩm số 09 ngày 31/01/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2012, được xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với án phí hình sự và dân sự, nghĩa vụ bồi thường người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án*); bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp truy nã; bị tạm giữ từ ngày 03/4/2021 đến ngày 06/4/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1970 và chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1971; đều ở địa chỉ: Số 45 L, khu 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*Chị H ủy quyền cho anh L – anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Đội 7 khu L, phường Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*);

+ Anh Bùi Anh M, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 4 Ph, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

+ Chị Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Thùy H), sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 18 phường A, thành phố T, tỉnh T (*hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương – vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKSNDTPHD ngày 27/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Nguyễn Văn C và Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thị Thùy H) có quan hệ tình cảm và cùng thuê trọ tại số 02/474 Đ, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vào trưa ngày 22/11/2020, C đề xuất và rủ H cùng đi trộm cắp xe máy và H đồng ý. C chuẩn bị 01 vạm phá khóa hình chữ T và sử dụng xe máy Yamaha Sirius màu đỏ - đen không đeo biển số chở H đi lòng vòng trên các tuyến phố thuộc thành phố H với mục đích xem có ai để xe máy sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 13 giờ 05 phút cùng ngày, cả hai đi đến ngõ 87 L, phường Nh, thành phố H thì phát hiện tại trước cửa nhà đang xây ở số 9/87 L có dựng 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, đeo biển số 34M8-4xxx là tài sản của anh Nguyễn Hồng L và chị Đỗ Thị Thu H không có người trông coi. C và H đã thống nhất sẽ trộm cắp chiếc xe này. Thực hiện ý định, C điều khiển xe máy chở H đi qua chiếc xe này khoảng 10 m thì dừng lại để H ngồi tại xe máy chờ còn C xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe, dùng vạm cho vào ổ vạm phá khóa điện. Sau khi phá khóa, C nổ máy điều khiển xe trộm cắp đi trước còn H điều khiển xe đi sau và cả hai về phòng trọ. Tại phòng trọ, đối với chiếc xe máy vừa trộm cắp được, C dùng cờ lê tháo 02 gương, tháo biển số, dùng khoan đục phá số khung số máy của xe, dùng vạm tiếp tục phá khóa yên xe phát hiện trong cốp xe có một ví da nam, trong ví có số tiền 90.000 đồng, 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe và một số giấy tờ khác; sau đó C chở H mang gương, biển số, ví da cùng giấy tờ đến khu vực cầu Phú Lương, thành phố H vứt toàn bộ xuống sông. Đối với chiếc xe máy trộm cắp được, khoảng 23 giờ cùng ngày H liên lạc nhờ Bùi Anh M bán hộ chiếc xe, anh M cùng đối tượng tên H (không xác định được lai lịch) đến khu

vực tập kết rác gần nhà máy bia Hải Dương. Tại đây, đối tượng tên H đã mua chiếc xe H bán với giá 2.000.000 đồng. Số tiền bán xe và số tiền 90.000 đồng lấy trong ví của anh L – H và C đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua xe, ngày 23/11/2020 M đã giới thiệu cho bạn là Phạm Văn T mua lại của H với số tiền 4.000.000 đồng. Anh T sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại đến ngày 26/11/2020 thì giao nộp lại cho cơ quan công an.

Ngày 24/11/2020, C đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 thanh kim loại màu xám dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹt nhọn; 01 tay công bằng kim loại hình chữ T một cạnh dài 6cm, một cạnh dài 11,5cm bọc bằng dính màu đen và 01 xe máy Yamaha sirius màu đỏ - đen không có biển số.

Quá trình điều tra, C bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã quyết định truy nã, đến ngày 03/4/2021 bắt được C.

Tại kết luận giám định số 138/KLGD-PC09 ngày 21/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

“Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius màu đen, không đeo biển số:

- Bề mặt kim loại nơi đóng số khung, số máy bị tẩy xóa làm mất các ký tự của xe, bằng mắt thường không đọc được.

- Hàng chữ số nguyên thủy của xe là:

- + Ở khung xe: RLCS5C6107Y080708

- + Ở thân máy: 5C61-080708”.

Tại văn bản số 1153/CV-PC08 ngày 26/11/2020 của Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hải Dương xác định: Qua tra cứu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34M8-4xxx mang tên chủ xe Đỗ Thị Thu H, địa chỉ: khu 11 phường N, thành phố H, nhãn hiệu Yamaha, số loại 5C61, số máy 5C61080708, số khung 107Y080708.

Tại kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐG ngày 16/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố H kết luận:

- Giá trị của một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha-sirius, màu sơn đen là 3.980.000 đồng (*ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Giá trị của một chiếc ví da nam màu nâu, kích thước (9x12)cm, không nhãn hiệu trị giá là 30.000 đồng (*ba mươi nghìn đồng*).

- Phí, lệ phí làm lại một giấy đăng ký xe mô tô biển số 34M8-4xxx là 30.000 đồng (*ba mươi nghìn đồng*).

- Phí, lệ phí làm lại một giấy phép lái xe hạng A1 là 135.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

- Phí, lệ phí làm lại một biển số 34M8-4xxx là 30.000 đồng (*ba mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị là 4.205.000 đồng (*bốn triệu hai trăm linh năm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận bản thân chính là người đề xuất với H về việc trộm cắp tài sản, thừa nhận là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc xe máy là tài sản của anh Nguyễn Hồng L và chị Đỗ Thị Thu H để tại trước cửa nhà đang xây ở số 9/87 L, thành phố H vào khoảng hơn 13 giờ ngày 22/11/2020, bị cáo xác định tại cốp xe máy còn một chiếc ví bên trong có số tiền 90.000 đồng và một số giấy tờ. Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản; kết luận giám định; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

Người bị hại chị Đỗ Thị Thu H ủy quyền cho anh Nguyễn Hồng L tham gia tố tụng, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy, đối với số tiền 90.000 đồng, ví da, giấy phép lái xe, đăng ký xe, biển số xe không thu hồi được nhưng anh L tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản thiệt hại nào.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản Điều 51; điểm h (tái phạm) Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 03/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 thanh kim loại màu xám dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹt nhọn; 01 tay công bằng kim loại hình chữ T một cạnh dài 6cm, một cạnh dài 11,5cm bọc băng dính màu đen đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 69 ngày 28/6/2021 (bản án xét xử bị cáo Trần Thị H, tên gọi khác: Trần Thị Thùy H) của Tòa án nhân dân thành phố H nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Đối với chiếc cờ lê và chiếc khoan bị cáo C sử dụng để tháo biển số và tẩy xóa số khung số máy đã bị mất, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C, do bị cáo đề nghị lưu giữ tại hồ sơ để sau khi chấp hành xong hình phạt tù sẽ tự liên hệ để nhận lại nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ theo đề nghị của bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) có tội và áp dụng pháp luật:

Bị cáo Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) thừa nhận vào khoảng hơn 13 giờ, sáng ngày 22/11/2020 bản thân là người đề xuất với Trần Thị H (Trần Thị Thùy H) về việc trộm cắp tài sản, thừa nhận là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha-Sirius biển số 34M8-4xxx tại trước cửa nhà đang xây ở số 9/87 L, phường Nh, thành phố H là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Hồng L và chị Đỗ Thị Thu H với trị giá 3.980.000 đồng (*ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*), một ví da trong cốp xe có 90.000 đồng đồng (*chín mươi nghìn đồng*) cùng một số giấy tờ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, biên bản xác minh và thu giữ vật chứng. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản xác định hiện trường; sơ đồ hiện trường; biên bản giải trình hình ảnh camera; biên bản nhận dạng; vật chứng thu giữ; kết luận giám định; tra cứu trả lời của phòng cảnh sát giao thông; kết luận định giá; bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai bị cáo, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai của người bị hại, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản anh Nguyễn Hồng L và chị Đỗ Thị Thu H. Vì vậy, Nguyễn Văn C (Nguyễn Văn T) bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người bị kết án chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tính chất đồng phạm: Bị cáo C là người đề xuất với Trần Thị H (Trần Thị Thùy H) về việc trộm cắp tài sản, đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên C là người giữ vai trò chính. Sau khi trộm cắp được tài sản H là người trực tiếp giao dịch để bán tài sản lấy tiền cả hai cùng chi tiêu nên H giữ vai trò thứ hai.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội trong trường hợp tái phạm và sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại trại giam mới đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe máy đã được thu hồi trả lại cho người bị hại là anh L – chị H. Đối với số tiền 90.000 đồng, ví da, giấy phép lái xe, đăng ký xe không thu hồi được nhưng anh L – chị H tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản thiệt hại nào nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Anh Phạm Văn T không yêu cầu hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua xe máy nên không đặt ra giải quyết.

- Đối tượng tên H sử dụng số tiền 2.000.000 đồng mua xe máy của Trần Thị H (Trần Thị Thùy H), đến nay chưa làm rõ được nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về biện pháp tư pháp:

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen anh Nguyễn Hồng L và chị Đỗ Thị Thu H đã nhận lại và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với 01 thanh kim loại màu xám dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹt nhọn; 01 tay công bằng kim loại hình chữ T một cạnh dài 6cm, một cạnh dài 11,5cm bọc băng dính màu đen đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 69 ngày 28/6/2021 (bản án xét xử bị cáo H) của Tòa án nhân dân thành phố H nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Đối với chiếc cờ lê và chiếc khoan, C sử dụng để tháo biển số và tẩy xóa số khung số máy đã bị mất không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác:

- Đối với 01 xe máy Yamaha sirius màu đỏ-đen không biển số, bị tẩy xóa số khung, số máy. Qua giám định và xác minh xác định là tài sản hợp pháp của anh Bùi Viết Thanh, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú ở 57 Tiền Phong, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương bị kẻ gian trộm cắp vào thời điểm tháng 7 năm 2015. Do anh Thanh không trình báo cơ quan chức năng và giá trị chiếc xe của anh Thanh được xác định là 12.600.000 đồng thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo C xác định chiếc xe này của đối tượng không rõ lai lịch tên Cường ở huyện Gia Lộc đặt làm tin để vay tiền. Vì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh Thanh đồng thời không xem xét trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi là phù hợp.

- Hành vi của Bùi Anh M giới thiệu cho đối tượng tên H không rõ lai lịch và anh Phạm Văn T giao dịch mua bán chiếc xe máy nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Hành vi của anh Phạm Văn T là người mua lại chiếc xe máy từ đối tượng H nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

- Hành vi của đối tượng tên H là người mua chiếc xe máy từ Trần Thị H (Trần Thị Thùy H) nhưng đến nay chưa xác định được. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh nếu có vi phạm sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 căn cước công dân số 030084013588 mang tên Nguyễn Văn C cơ quan điều tra thu giữ của C có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo C xác định do đang bị giam nên đề nghị Hội đồng xét xử cho tiếp tục quản lý tại hồ sơ để sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo sẽ tự liên hệ với Tòa án để nhận lại. Xét thấy đề nghị của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h (tái phạm) Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) **12 (mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 03/4/2021.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP H;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT công an TP H;
- Cơ quan THAHS công an TP H;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh H;
- Trại tạm giam– Công an tỉnh H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền